

THÔNG BÁO

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và quy đổi tương đương điểm trúng tuyển giữa các phương thức xét tuyển đại học chính quy năm 2026

Căn cứ Thông tư 06/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 về Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Công văn số 2304/BGDĐT-GDDH ngày 04/5/2026 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 214/QĐ-HVQLGD ngày 24/02/2026 của Giám đốc Học viện Quản lý Giáo dục về việc ban hành Thông tin tuyển sinh đại học năm 2026;

Học viện Quản lý Giáo dục thông báo ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào và quy đổi tương đương giữa các phương thức xét tuyển đại học chính quy năm 2026 như sau:

1. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

STT	Mã xét tuyển	Tên mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Kết quả thi tốt nghiệp THPT
1	7140101	Giáo dục học (Giáo dục trẻ rối loạn phát triển)	A00; B00; C00; D01	16.00
2	7140114	Quản lý giáo dục	A00; A01; C00; D01	16.00
3	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01; D10; D14; A01	16.00
4	7310101	Kinh tế	A00; A01; D01; D10	16.00
5	7310403	Tâm lý học giáo dục	A00; B00; C00; D01	16.00
6	7340406	Quản trị văn phòng	A00; A01; C00; D01	16.00
7	7480201	Công nghệ thông tin	A00; A01; A02; D01	15.00

- Thí sinh có tổng điểm các môn thi/bài thi (hệ số 1) trong tổ hợp xét tuyển cộng điểm ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng từ mức điểm ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào đủ điều kiện đăng ký xét tuyển vào Học viện Quản lý Giáo dục.

- Độ chênh của các tổ hợp xét tuyển: Không có chênh lệch điểm xét tuyển, điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển.

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo các phương thức xét tuyển bằng kết quả học tập cấp THPT (Phương thức 200 – xét học bạ), xét tuyển bằng điểm đánh giá năng lực, đánh giá tư duy (SPT, HSA, TSA - Phương thức 402) được quy đổi theo bảng quy đổi tương đương và công thức quy đổi ở mục 2.

2. Bảng quy đổi tương đương ngưỡng đảm bảo chất lượng và điểm trúng tuyển giữa các phương thức xét tuyển

TT	Khoảng	Mức điểm thi tốt nghiệp THPT (thang điểm 30)	Mức điểm học tập học bạ cấp THPT (thang điểm 30)	Mức điểm thi đánh giá tư duy TSA (thang điểm 100)	Mức điểm thi đánh giá năng lực HSA (thang điểm 150)	Mức điểm thi đánh giá năng lực SPT (thang điểm 30) – điểm chưa quy đổi
1	Khoảng 1	27,50 - 30,00	29,00 – 30,00	67,94 – 100,00	109,67 - 130	26,50 - 30,00
2	Khoảng 2	25,00 – 27,50	27,00 – 29,00	58,02 - 67,94	93,33 - 109,67	24,00 – 26,50
3	Khoảng 3	22,50-25,00	25,00 – 27,00	51,25 – 58,02	78,94 – 93,33	21,50 - 24,00
4	Khoảng 4	20,00-22,50	23,00 – 25,00	46,42 – 51,25	68,75 – 78,94	19,00 - 21,50
5	Khoảng 5	17,50-20,00	21,00 – 23,00	42,26 – 46,42	61,07 – 68,75	16,50 - 19,00
6	Khoảng 6	15,00-17,50	18,00 – 21,00	37,86 – 42,26	53,75 – 61,07	14,00 - 16,50

Ghi chú:

- Cách tính quy đổi ngưỡng đảm bảo chất lượng và điểm trúng tuyển (điểm chuẩn) tương đương áp dụng theo công thức nội suy tuyến tính như sau:

$$y = a + \left(\frac{x - m}{n - m} \right) (b - a)$$

Trong đó:

- + y là điểm của phương thức gốc (điểm thi THPT)
- + x là điểm của phương thức cần quy đổi
- + m là điểm bắt đầu của khoảng điểm phương thức cần quy đổi
- + n là điểm kết thúc của khoảng điểm phương thức cần quy đổi
- + a là điểm bắt đầu của khoảng điểm tương ứng phương thức gốc
- + b là điểm kết thúc của khoảng điểm tương ứng phương thức gốc

- Điểm xét tuyển theo thang điểm 30.

- Trong trường hợp điểm xét (sau khi cộng điểm ưu tiên và điểm cộng) vượt quá 30 điểm thi sẽ tính điểm xét là 30 điểm (thang điểm tối đa).

- Chi tiết xem Thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2026.

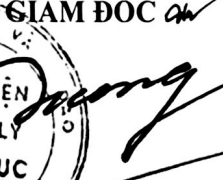
Thí sinh phải đăng ký (trực tuyến) nguyện vọng xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia, thời hạn đến 17h00 ngày 14/07/2026.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Các đơn vị thuộc Học viện;
- Lưu TC-HC, QLĐT-GDCT & CTSV.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



TS. Phan Hồng Dương



